

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư
nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 3916/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung

a) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 19

tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 và phân bổ danh mục chi tiết nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2020, nhưng có điều chỉnh nội dung đầu tư của một số dự án cho phù hợp với tình hình thực tế.

b) Việc điều chỉnh tăng, giảm mức vốn phân bổ cho từng dự án không làm thay đổi tổng các nguồn vốn đã được phân bổ.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2021 được chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết, bao gồm:

a) Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND

- Điều chỉnh tên 01 dự án cho phù hợp với các quyết định chủ trương và quyết định đầu tư;

- Điều chỉnh, bổ sung đối với nguồn ngân sách Trung ương (vốn trong nước): Bổ sung danh mục của 01 dự án, điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 02 dự án để tăng kế hoạch vốn cho 01 dự án, với tổng số vốn điều chỉnh là 101.303 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 7.600 triệu đồng; điều chỉnh nội dung đầu tư của 02 dự án theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 26 dự án (trong đó có 09 dự án thực hiện đầu tư, 17 dự án chuẩn bị đầu tư) do chưa có khối lượng thanh toán (24 dự án), phù hợp với mức vốn bố trí (01 dự án) và cam kết đối ứng với nhà tài trợ (01 dự án); bổ sung tăng kế hoạch vốn cho 03 dự án để triển khai thực hiện, với tổng số vốn điều chỉnh là 146.871 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 27.351 triệu đồng;

- Điều chỉnh kế hoạch vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2021: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 18 dự án; bổ sung tăng kế hoạch vốn cho 08 dự án, với tổng số vốn điều chỉnh là 282.005 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 61.189 triệu đồng.

b) Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang cho 01 dự án, với tổng số vốn là 12.904 triệu đồng;

c) Bổ sung danh mục 14 dự án và kế hoạch vốn cho 15 dự án, từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết các năm trước chuyển sang và nguồn tăng thu ngân sách địa phương, với tổng số vốn là 39.120 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 9 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, TP, KBNN tỉnh;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hồ Thị Hoàng Yến



Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH BẾN TRE NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 08 /2021/NQ-HĐND ngày 24/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	657.638	709.662	148.164	96.140	
A	Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND	530.179	530.179	96.140	96.140	
I	Điều chỉnh tên dự án					
1	Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Tân Phú và đê Cồn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành					Điều chỉnh tên dự án trong Phụ lục 1: Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Phú Túc và đê Cồn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành thành Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Tân Phú và đê Cồn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành cho phù hợp với các Quyết định chủ trương/dự án đầu tư
II	Bổ sung danh mục dự án, điều chỉnh nội dung đầu tư và kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương (vốn trong nước)	101.303	101.303	7.600	7.600	
1	Đường giao thông kết hợp đê bao ngăn mặn liên huyện Mỏ Cày Nam - Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	20.000	18.000		2.000	Chuyển từ khởi công mới năm 2021 sang chuẩn bị đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương
2	Cầu Rạch Vong	81.303	75.703		5.600	
3	Dự án Hạ tầng tái cơ cấu vùng nuôi tôm lúa khu vực xã Mỹ An và xã An Điền, huyện Thạnh Phú		7.600	7.600		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
III	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	146.871	146.871	27.351	27.351	

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
III.1	Thực hiện dự án	144.271	146.021	27.351	25.601	
1	Công trình Thí điểm nâng cấp, cải tạo công trình trạm xử lý phân bùn thải bề tự hoại thành phố Bến Tre	3.188	2.087		1.101	Giảm vốn đối ứng theo đúng văn bản cam kết với nhà tài trợ
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh (giai đoạn 2)	8.000	7.700		300	Giảm vốn cho phù hợp với mức vốn bố trí 90% tổng mức đầu tư
3	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Phong Nẫm	14.500	7.500		7.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
4	Chỉnh trang khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	4.500	4.757	257		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
5	Bố trí vốn kế hoạch để triển khai các nhiệm vụ lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch					
	Quy hoạch tổng thể Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh Bến Tre	800	100		700	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
	Lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	16.000	36.700	20.700		Bổ sung vốn thanh toán khối lượng
6	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	65.963	72.357	6.394		Bổ sung vốn để thực hiện dự án
7	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá kết hợp cảng cá Ba Tri	2.820	1.820		1.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
8	Dự án tái định cư khẩn cấp sạt lở bờ sông Bến Tre	17.000	7.000		10.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
9	Cải tạo, sửa chữa trụ sở các ban đảng Tỉnh ủy	3.000	1.000		2.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
10	Trường bắn Bộ CHQS tỉnh	3.000	1.500		1.500	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
11	Doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Ba Tri	5.500	3.500		2.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
III.2	Chuẩn bị đầu tư	2.600	850	-	1.750	
1	Bảo tàng tỉnh Bến Tre	200	50		150	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
2	Nhà làm việc các sở, ngành tỉnh (tòa nhà số 2)	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
3	Đầu tư xây dựng thư viện Nguyễn Đình Chiểu (thư viện tỉnh)	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
4	Nâng cấp, mở rộng công viên Trần Văn Ôn	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
5	Khu hành chính xã Phước Mỹ Trung	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
6	Trạm kiểm soát biên phòng Hàm Luông	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
7	Trụ sở làm việc Ban CHQS và nhà ở dân quân xã, phường, thị trấn (giai đoạn 2)	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
8	Mở rộng kho đạn tỉnh	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
9	Trường THCS Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
10	Đường vào Trung tâm xã An Hóa	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
11	Khu hành chính xã Tân Phú	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
12	Khu hành chính xã Phước Thạnh	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
13	Đường từ cầu Đập xã Hưng Nhượng đến bến đò xã Hưng Lễ đi huyện Thạnh Phú (ĐT.DK.04)	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
14	Cầu Tân Mỹ	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
15	Cầu liên xã Lương Phú - Lương Hòa	100	50		50	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
16	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc	500	50		450	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
17	Hoàn thiện đường nội bộ Trụ sở công an tỉnh Bến Tre	500	50		450	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
IV	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn Xổ số kiến thiết	282.005	282.005	61.189	61.189	
	Thực hiện dự án	282.005	282.005	61.189	61.189	
1	Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm (giai đoạn 2)	2.000			2.000	Giảm vốn do cắt giảm quy mô đầu tư
2	Hỗ trợ Bến tàu du lịch thành phố Bến Tre	5.000	2.000		3.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng
3	Lộ Tân Bắc (ĐH.DK.19)	4.000	1.000		3.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
4	Đường huyện 04, huyện Châu Thành	4.000	1.000		3.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
5	Cầu Đập Lát, xã Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc	3.000	1.500		1.500	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
6	Đầu tư xe truyền hình lưu động	5.000	311		4.689	Giảm vốn do ngưng thực hiện dự án
7	Đầu tư thiết bị phim trường thời sự, văn nghệ chuẩn HD	5.000	7.689	2.689		Bổ sung vốn thanh toán khối lượng



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
8	Nội thất đền thờ - Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	2.000	6.500	4.500		Bổ sung vốn thanh toán khối lượng
9	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	103.505	137.505	34.000		Bổ sung vốn để thực hiện dự án
10	Hỗ trợ đầu tư CSVN, Mua sắm trang thiết bị dạy học thuộc Kế hoạch số 1658/KH-UBND ngày 10/4/2019 về Chương trình sách Giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025					
	Dự án mua sắm thiết bị dạy học dùng chung cho lớp 2 các trường Tiểu học và lớp 6 cho các trường THCS trên địa bàn tỉnh.	40.000	20.000		20.000	Giảm vốn do chưa triển khai thực hiện
	Trường THCS Thị Trấn Ba Tri	12.000	16.000	4.000		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng
	Trường Tiểu học - THCS Phước Hiệp	6.000	10.000	4.000		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng
	Trường Mẫu giáo Hoa Sen, xã Thới Lai	5.000	9.000	4.000		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng
	Trường Tiểu học An Khánh	9.000	13.000	4.000		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng
	Trường Mẫu giáo Tân Bình	10.000	14.000	4.000		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng
11	Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Phú Túc và đê Cồn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành	10.000	5.000		5.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
12	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải phục vụ cảng cá Ba Tri, tỉnh Bến Tre	3.000	1.000		2.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
13	Đường giao thông vào Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Ba Tri	15.000	10.000		5.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
14	Đường vào Khu tưởng niệm liệt sĩ Trần Văn Ôn (đoạn từ QL60 đến bến đò An Hóa)	10.000	9.000		1.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán

6



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
15	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thị Định, ĐH10 (đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến Bình thành)	10.000	7.000		3.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
16	Đường làng nghề, huyện Mỏ Cày Nam	3.000	2.000		1.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
17	Nâng cấp, mở rộng đường huyện 26 (đường vào Trung tâm xã Hòa Lợi)	3.000	2.000		1.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
18	Cầu Bà Tư trên tuyến đê biển Bình Đại	3.000	2.000		1.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
19	Xây dựng đường Đê Tây, huyện Bình Đại (đoạn từ giáp xã Châu Hưng đến Thạnh Trị)	5.000	2.000		3.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
20	Nâng cấp, chuyển chất liệu Tượng đài Đồng Khởi Bến Tre	2.000	1.000		1.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
21	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Giồng Trôm	2.500	1.500		1.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng thanh toán
B	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu sử dụng đất các năm trước chuyển sang		12.904	12.904		
1	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận		12.904	12.904		Bổ sung vốn để thực hiện dự án
C	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang và nguồn tăng thu ngân sách địa phương	127.459	166.579	39.120		Vốn bổ sung gồm: vốn từ nguồn tăng thu XSKT là 32.365 triệu đồng, vốn từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương là 6.755 triệu đồng
1	Bổ trí vốn kế hoạch để tắt toán, quyết toán, thanh toán nợ khối lượng các công trình hoàn thành					
	Đầu tư hạ tầng, xây dựng các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh		254	254		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2021	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2021			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	Trường Mẫu giáo Long Thới, huyện Chợ Lách		337	337		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Kho đạn Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		2.680	2.680		Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh
3	Sửa chữa Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh		82	82		Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh
4	Đường DX.02 xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm		601	601		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
5	Đường DX.04 xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm		573	573		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
6	Khu tưởng niệm liệt sĩ Trần Văn Ôn		1.872	1.872		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
7	Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản huyện Bình Đại		3.139	3.139		Hoàn trả Ngân sách Trung ương đã tạm mượn
8	Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre		13.961	13.961		Hoàn trả Ngân sách Trung ương đã tạm mượn
9	Mở rộng mái che khu khám bệnh của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu		2.000	2.000		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành (dự án đầu tư theo quy trình khẩn cấp)
10	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng Liên khoa Ngoại tổng quát, chấn thương chỉnh hình – phục hồi chức năng, ung bướu, mắt, răng – hàm – mặt Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu		1.000	1.000		Bổ sung vốn để thực hiện dự án
11	Trạm kiểm soát biên phòng Hàm Luông		1.000	1.000		Bổ sung vốn để thực hiện dự án
12	Đường vào Trung tâm xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại		1.000	1.000		Bổ sung vốn để thực hiện dự án
13	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy Khối Cơ quan - Doanh nghiệp Tỉnh		621	621		Bổ sung vốn để thực hiện dự án
14	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	127.459	137.459	10.000		Bổ sung vốn để thực hiện dự án